

# **GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VỚI TƯ CÁCH LÀ ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

• **GS.TSKH VŨ NGỌC HẢI**

*Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục*

**S**au 20 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, giáo dục đại học (GDĐH) Việt Nam trên thực tế đã cung cấp cho xã hội nước ta một nguồn nhân lực bao gồm những công dân được giáo dục trong nhà trường đại học và không ít trong số họ có khả năng làm việc ở trình độ cao trong các trường đại học, các viện nghiên cứu, các cơ quan Nhà nước, các doanh nghiệp, các liên doanh trong và ngoài nước...thuộc khắp các lĩnh vực ngành nghề. Kết quả cho thấy, lực lượng này đã góp phần quan trọng và to lớn trong thành tựu phát triển kinh tế-xã hội thông qua các tỉ lệ tăng trưởng hàng năm cao vào hàng đứng đầu trong các nước ASEAN. Phần đóng góp của GDĐH chính là phần đóng góp nguồn lao động trình độ cao, nguồn nhân tài có phẩm chất đạo đức cách mạng thuộc mọi lĩnh vực thiết yếu của sự nghiệp xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

Tuy nhiên đất nước ta đang đứng trước những thách thức và đồng thời cũng là những yếu kém tồn tại mà báo cáo của Ban chấp hành trung ương Đảng khoá IX tại Đại hội Đảng lần thứ X về phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2006-2010 đã chỉ rõ:

- Chất lượng phát triển kinh tế-xã hội và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn yếu kém;

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm;

- Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều hạn chế; các cân đối vĩ mô chưa thật vững chắc;

- Hội nhập kinh tế quốc tế và hoạt động kinh

tế đối ngoại còn nhiều hạn chế;

- Chất lượng giáo dục và đào tạo còn thấp, nhiều vấn đề hạn chế, yếu kém chậm được khắc phục;

- Khoa học và công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội;

- Lĩnh vực văn hoá, xã hội còn nhiều vấn đề bức xúc chậm được giải quyết;

- Bộ máy nhà nước chậm đổi mới, chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc phát triển kinh tế, xã hội.

Trước những yêu cầu tiếp tục đổi mới và những yếu kém có tính thách thức này, rõ ràng GDĐH Việt Nam cần có những thay đổi nhanh chóng, phải từ bỏ mô hình GDĐH cũ, một mô hình còn mang nặng tính thụ động, chứa đựng nhiều yếu tố của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp; một mô hình coi nặng thi tuyển đầu vào và coi nhẹ quá trình giảng dạy của thầy và học tập của trò, dẫn đến "cuộc chiến đầu vào" trong tuyển sinh và được vào học rồi thì người học gần như đương nhiên chờ ngày ra trường với tấm bằng tốt nghiệp.

Hiện nay, với sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong xu thế toàn cầu hoá, mặt khác nước ta lại đang đứng trước ngưỡng cửa gia nhập WTO, nền kinh tế-xã hội ta hơn bao giờ hết cần đến nhu cầu đào tạo một nguồn nhân lực lớn có trình độ cao và chất lượng cao. Những sinh viên ra trường phải hội tụ được những yếu tố có thể đáp ứng được những yêu cầu, đòi hỏi của xã hội, của thị trường lao động. Nói cách khác, GDĐH phải tạo ra nguồn nhân lực có bản lĩnh, đầy đủ những phẩm chất



đạo đức tốt đẹp, có tác phong, lễ lối làm việc công nghiệp và đương nhiên cần giải lý thuyết và có tay nghề thành thạo phù hợp với yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn xã hội. Trước yêu cầu này GDĐH nước ta rõ ràng chưa đáp ứng được. Trong điều kiện nền kinh tế đang chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung, bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, GDĐH Việt Nam cần hướng tới nâng cao giá trị nhân văn, tăng cường thêm năng suất trí tuệ. Sự kết hợp hài hoà của các yếu tố này sẽ giúp cho sinh viên có được khả năng tự lập và chủ động trong giải quyết, xử lý và đối phó với những đòi hỏi của thực tiễn xã hội trong nước cũng như trong khu vực và trên thế giới. Trước bối cảnh này, để GDĐH Việt Nam trở thành động lực phát triển kinh tế-xã hội cần giải quyết một số bất cập như sau:

- Số lượng sinh viên hàng năm tăng nhanh, nhưng chi phí đào tạo lại không tương ứng: bình quân tại các nước phát triển hiện nay chi phí cho một sinh viên là 6520 USD, tại các nước đang phát triển là 651 USD, trong khi đó ở nước ta khoảng 400-500 USD.

- Nội dung chương trình giảng dạy học tập chưa gắn với thực tế tiến trình phát triển của nền kinh tế chuyển đổi. Sự phát triển kinh tế-xã hội nhanh, trong khi đó GDĐH lại trì trệ không theo kịp sự tiến triển của xã hội. Nội dung chương trình cần thích ứng với nhu cầu thực tế xã hội đòi hỏi, không có nghĩa là GDĐH luôn chạy theo sau xã hội, mà trái lại, trong điều kiện và chức trách của mình, GDĐH phải là động lực phát triển xã hội, là trung tâm tri thức của xã hội, nơi hơn ở đâu hết có tầm nhìn, có thể nhìn thấy trước và định hướng được cho sự phát triển xã hội trong tương lai.

- Tính bình đẳng trong GDĐH và điều kiện đảm bảo chất lượng. Đây được coi là một trong những bất cập cần sớm được khắc phục trong GDĐH ở nước ta. Quan niệm về chất lượng GDĐH hiện còn rất định tính, nếu không nói là

"co giã" theo nhiều cách nhìn nhận khác nhau. Do vậy việc cần làm là sớm xây dựng được một bộ công cụ có đủ khả năng đánh giá và kiểm định chất lượng cho thực tế từng trường đại học, từ đó có thể đề ra các biện pháp cụ thể để nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập cho mỗi trường đại học.

- Sự cạnh tranh giữa các trường đại học còn thấp trên bước đường thiết lập thương hiệu.

- Sự quản lý nhà nước đối với các trường đại học còn mang nặng tính tập trung quan liêu theo cơ chế "xin cho", dẫn đến các trường đại học luôn trong tình trạng thụ động, thiếu sáng tạo, xơ cứng, chờ đợi.

- Chưa xem GDĐH là chiếc chìa khoá quan trọng của quá trình phát triển kinh tế-xã hội.

- Chưa coi đầu tư cho GDĐH là đầu tư phát triển dài hạn và bền vững của đất nước. Đầu tư ít, nhưng lại tràn lan, không bài bản, không tiêu điểm quyết liệt có tính dứt điểm ( ví dụ hai đại học quốc gia đã qua 12 năm xây dựng, nhưng vẫn chưa rõ hình hài ). Từ sự đầu tư thiếu tính dứt điểm này chắc chắn sẽ dẫn đến sự trì trệ trong động lực phát triển kinh tế-xã hội và ảnh hưởng sâu sắc đến sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- GDĐH chưa có chiến lược hội nhập quốc tế. Quá trình hội nhập còn diễn ra thụ động theo kiểu "nặng nhật chặt bị". Ngày nay trong xu thế toàn cầu hoá và nhất là nước ta đang sắp trở thành thành viên của WTO, hợp tác quốc tế của GDĐH không thể mở rộng chỉ ở bề nổi, mà cần ở cả chiều sâu. Điều quan trọng cần được quan tâm và có tiến trình thực hiện đó là chủ động hội nhập và liên thông trong tư thế bình đẳng và cạnh tranh được với hệ thống các trường đại học trong khu vực và trên thế giới.

- Cần nhận rõ và xác định GDĐH ở nước ta đã trở thành một thị trường thực sự, một "thị trường béo bở và to lớn" không biên giới của các nước phát triển.

Đứng trước những khó khăn, bất cập và



nhiều yếu kém, GDĐH nước ta hơn lúc nào hết cần tỏ rõ bản lĩnh Việt Nam theo cơ chế tự chủ, tự hoàn thiện để phát triển theo yêu cầu của xã hội. Không coi GDĐH là một gánh nặng cho ngân sách nhà nước mà phải coi đầu tư cho GDĐH là đầu tư cho phát triển, là một khoản đầu tư dài hạn đúng đắn và cấp thiết. Chỉ có mạnh dạn đầu tư toàn diện người và của, kiên quyết đầu tư có trọng điểm theo phương thức đa dạng hoá nguồn lực thì bản thân GDĐH mới có cơ may sớm đủ lực trên con đường cạnh tranh và hội nhập được với GDĐH trên trường quốc tế. Thiếu cách nhìn xa và đúng đắn này không thể nào có được một nền GDĐH phát triển bền vững và đất nước sẽ mất đi một động lực thiết yếu, quan trọng bậc nhất trong phát triển kinh tế-xã hội.

Theo kinh nghiệm của các nước đi trước và những bài học phát triển của bản thân GDĐH nước ta trong 20 năm đổi mới, nên lưu ý tới một số vấn đề cốt yếu dưới đây để đảm bảo cho GDĐH Việt Nam là động lực thực sự của sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội:

Vấn đề thứ nhất: Không nên chọn quá nhiều trường đại học trọng điểm như hiện nay (15 trường) vì như vậy là quá dàn trải trong điều kiện kinh tế vẫn còn hạn hẹp ở nước ta. Trong vòng 10-15 năm tới chỉ nên lựa chọn từ 1-2 trường và đầu tư toàn diện, dứt điểm trong một thời gian ngắn nhất để trở thành trường đầu đàn chất lượng cao thực sự. Mặt khác, một số ngành, nghề, khoa, bộ môn trong các trường khác nhau ở nước ta đang phát triển và có chất lượng cao, có thể đối sánh "ngang ngửa" được với chất lượng cùng lĩnh vực của nhiều trường danh tiếng trên thế giới nhất thiết cần được tiếp tục đầu tư thích đáng; chính các cơ sở này đã và sẽ là hạt nhân, mầm mống của những đại học chất lượng cao hướng tới sự có mặt trong danh sách các trường được xếp hạng trong khu vực và trên thế giới.

Vấn đề thứ hai: Tăng cường tính thích ứng của chương trình và nội dung GDĐH với nhu cầu và thực tế của tiến trình phát triển kinh tế-xã hội.

Lấy thực tiễn phát triển kinh tế-xã hội làm mục tiêu, làm thanh nam châm và kim chỉ nam cho định hướng phát triển nội dung giảng dạy, học tập trong nhà trường. Những sinh viên do nhà trường đại học đào tạo ra không chỉ làm tốt trong thực tế hiện tại, mà còn cần có khả năng thích ứng trong nền kinh tế chuyển đổi tương lai. Sinh viên sau tốt nghiệp đại học sẽ là những người nhìn thấy trước, phát hiện tương lai trước và là động lực quan trọng để thực hiện tương lai này.

Vấn đề thứ ba: Nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập là vấn đề sống còn của GDĐH. Về chất lượng GDĐH, hiện còn có nhiều ý kiến khác nhau. Trong phạm vi bài này, người viết không có ý bàn về phương diện lí luận, mà chỉ mong muốn sao trước mắt có được bộ công cụ kiểm định được kết quả giảng dạy và học tập cho từng trường đại học. Với bộ công cụ như vậy, từng trường sẽ tự mình thường xuyên và định kì tự tiến hành kiểm định. Mục đích tự kiểm định là để tìm ra các giải pháp khắc phục những khiếm khuyết, bất cập, chứ không phải chỉ để làm báo cáo lên trên.

Vấn đề thứ tư: GDĐH cần được xem là một lĩnh vực dịch vụ. Người muốn nhận dịch vụ thì nhất thiết "phải mua". Nói cách khác muốn học đại học thì phải đóng học phí. Học phí của người học phải trả tương xứng với nội dung và chất lượng được học và đương nhiên phải phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế-xã hội của nước ta và thích hợp với khả năng đóng góp khác nhau của những người có nguồn thu nhập khác nhau trong một xã hội đang thực hiện xoá đói, giảm nghèo. Như vậy có thể nói nghĩa vụ của tất cả những người học đại học là phải đóng học phí; học phí phải tương xứng với ngành, nghề và chất lượng được học. Muốn làm được điều này trước hết với tính chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, với tính nhân văn truyền thống và hiểu học của dân tộc ta cần làm một số việc như sau:

- Các gia đình diện chính sách, con em đồng bào dân tộc ít người, những người nghèo

(trong diện xóa đói giảm nghèo): người đi học đóng học phí thông qua tiền trợ cấp học tập được cấp từ ngân sách nhà nước, không những thế những người thuộc diện này còn được nhà nước cấp học bổng và tạo điều kiện để học tập có kết quả.

- Những người nghèo (không trong diện xóa đói giảm nghèo): đóng học phí, hoặc được giảm học phí theo các mức khác nhau thông qua vay "quỹ tín dụng học tập" của nhà nước. Việc hoàn lại học phí sẽ được trả dần trong một số năm tính từ lúc có việc làm sau tốt nghiệp đại học.

- Các gia đình giàu, những người có thu nhập cao, những người có thể đóng được: tất cả nhất thiết phải đóng học phí toàn phần.

- Nhà nước và các tổ chức xã hội, các đoàn thể, các doanh nghiệp trong và ngoài nhà nước... tạo điều kiện thuận lợi để cho sinh viên có thể có việc làm ngoài giờ học để có thêm thu nhập nhằm cải thiện sinh hoạt và học tập.

Vấn đề thứ năm: Mở rộng hợp tác quốc tế trong GDĐH: cần có chiến lược và chính sách cụ thể để mở cửa GDĐH nước ta với khu vực và thế giới. Tạo điều kiện để từng trường đại học tự mình, tự chủ có thể vươn ra ngoài theo phương thức đa dạng dưới dạng thoả thuận, liên kết, giao lưu, trao đổi trên diện rộng cả về nội dung, chương trình, chứng chỉ, bằng cấp và theo chiều sâu một lĩnh vực, nhiều lĩnh vực hay hợp tác toàn diện theo thể thức song phương hoặc đa phương trong phạm vi nghiêm túc tuân thủ đường lối ngoại giao của Đảng và luật pháp của Nhà nước. Có kế hoạch tạo điều kiện chủ động để GDĐH Việt Nam dần có được các cơ sở đào tạo và nghiên cứu của mình tại nước ngoài.

Vấn đề thứ sáu: Phương thức cấp ngân sách của nhà nước và tạo điều kiện để các trường đại học có được nhiều nguồn thu khác. Nhà nước cần cấp ngân sách đến từng người học và chỉ cấp ngân sách thông qua người học. Đây phải coi là một tiêu chí bất di, bất dịch trong phân bổ ngân sách. Đồng thời cấp ngân sách

còn cần dựa trên nguyên tắc tăng dần cho những trường đại học có kết quả giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học cao hơn và chất lượng tốt hơn. Đương nhiên đây là vấn đề khó, nhưng chỉ có làm như vậy thì nguồn đầu tư của Nhà nước mới mong có hiệu quả thực sự. Mặt khác cần tạo cơ chế "thoáng", thuận lợi để các trường đại học có điều kiện thu hút được nhiều nguồn lực từ trong và ngoài nước thông qua quan hệ hợp tác và mở rộng hoạt động dịch vụ GDĐH và nghiên cứu khoa học của mình.

Tóm lại, trong hoàn cảnh còn nhiều bất cập, hơn lúc nào hết, GDĐH – với những lợi ích to lớn có thể mang đến cho xã hội và cho từng người – cần được quan tâm để trở thành động lực thực sự của sự nghiệp phát triển kinh tế – xã hội. Phát triển GDĐH có tính sống còn trong việc xây dựng một xã hội phát triển, thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước cũng như trong việc tăng cường năng lực cạnh tranh trong nền kinh tế mới, nền kinh tế tri thức.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Đề án đổi mới GDĐH Việt Nam giai đoạn 2006-2020*, Hà Nội tháng 11/2005.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
3. Vũ Ngọc Hải, *Cải cách GDĐH Việt Nam phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, từng bước xây dựng phát triển nền kinh tế tri thức định hướng xã hội chủ nghĩa*, Tạp chí Phát triển giáo dục số 2(62), 2004.
4. Philip G. Altbach, *Higher education, International Issues*, E.O.E, V.3, 2003.
5. J.R. Thelin, J.R. Edwards, e. Moyen, *Higher education in the United States*, E.O.E., 2003.

### SUMMARY

*On the basis of analyzing the background and striking features of the status quo of higher education in Vietnam, the author points out mismatches and key issues to be addressed so that higher education is a real driving force for socio-economic development*